

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
BẢO HIỂM DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 14

01/0
C
TRÁCH
D
VI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Võ Quang Huy	Ủy viên
Ông Lê Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2010)
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2010)
Ông Đỗ Huy Triệu	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2010, miễn nhiệm ngày 08/12/2010)
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2010, miễn nhiệm ngày 08/12/2010)
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 08/12/2010)
Ông Trương Minh Vương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 08/12/2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/06/2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Lê Tiến Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 5 năm 2011

Số: 647 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 14. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIET NAM

Ngày 10 tháng 5 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		295.835.377.974	665.307.724.321
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.276.501.993	6.965.072.864
1. Tiền	111		2.276.501.993	2.465.072.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	154.223.281.299	557.178.458.832
1. Đầu tư ngắn hạn	121		155.752.263.705	557.282.190.711
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.528.982.406)	(103.731.879)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138.843.741.744	98.903.990.856
1. Phải thu khách hàng	131		26.045.924.200	47.029.938.498
2. Trả trước cho người bán	132		92.492.553	92.492.553
3. Các khoản phải thu khác	135	7	112.705.324.991	51.781.559.805
IV. Hàng tồn kho	140		22.140.000	14.453.600
1. Hàng tồn kho	141		22.140.000	14.453.600
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		469.712.938	2.245.748.169
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		405.408.673	18.260.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		64.304.265	2.227.488.169
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		67.425.600.281	91.020.118.771
I. Tài sản cố định	220		2.754.735.050	3.350.686.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.470.612.253	3.208.603.956
- Nguyên giá	222		4.645.610.877	4.470.452.603
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.174.998.624)	(1.261.848.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227		97.952.897	142.082.849
- Nguyên giá	228		209.157.000	189.157.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(111.204.103)	(47.074.151)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		186.169.900	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	52.800.000.000	87.405.721.933
1. Đầu tư dài hạn khác	258		52.800.000.000	88.800.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(1.394.278.067)
III. Tài sản dài hạn khác	260		11.870.865.231	263.710.033
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.550.825.231	263.710.033
2. Tài sản dài hạn khác	268	10	10.320.040.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		363.260.978.255	756.327.843.092

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		137.192.442.903	519.375.996.257
I. Nợ ngắn hạn	310		137.192.442.903	519.375.996.257
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	64.395.350.000
2. Phải trả người bán	312		397.037.025	87.914.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.966.881.267	14.759.992.493
4. Phải trả người lao động	315		1.316.211.411	1.313.234.326
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	133.437.248.952	438.769.807.344
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		75.064.248	49.697.732
B - NGUỒN VỐN (400 = 410)	400	13	226.068.535.352	236.951.846.835
I. Vốn chủ sở hữu	410		226.068.535.352	236.951.846.835
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.622.650.000	200.282.300.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		906.034.653	906.034.653
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.539.850.699	35.763.512.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		363.260.978.255	756.327.843.092



Lê Tiến Hùng
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 5 năm 2011

Phạm Toàn Thắng
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	40.114.040.213	44.551.393.200
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		40.114.040.213	44.551.393.200
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		37.276.255.292	41.166.484.112
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.837.784.921	3.384.909.088
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	51.494.138.969	97.810.624.096
6. Chi phí tài chính	22	16	18.977.263.273	13.191.959.315
7. Chi phí bán hàng	24		5.941.995.952	7.110.403.029
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.929.874.399	7.714.853.943
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		22.482.790.266	73.178.316.897
10. Thu nhập khác	31		800.080.120	50.491.825
11. Chi phí khác	32		103.588.024	232
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		696.492.096	50.491.593
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.179.282.362	73.228.808.490
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	3.928.119.845	13.336.272.048
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		19.251.162.517	59.892.536.442



Lê Tiến Hùng
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 5 năm 2011

Phạm Toàn Thắng
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ

Tầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2007, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng (bằng chữ: ba trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính Công ty tại tầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 31 người (tại ngày 31/12/2009 là 31).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Ủy thác đầu tư;
- Tư vấn đầu tư;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍTầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Thiết bị quản lý	3
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và bản quyền các phần mềm khác được dùng trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ

Tầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ về thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ về thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍTầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.439.416.701	453.609.167
Tiền gửi ngân hàng	837.085.292	2.011.463.697
Các khoản tương đương tiền	-	4.500.000.000
	2.276.501.993	6.965.072.864

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	7.977.006.235	7.368.512.161
Tiền gửi có kỳ hạn	14.500.000.000	186.300.000.000
Trái phiếu	466.100.000	-
Hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	5.074.129.910	23.055.900.000
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (**)	9.248.505.000	87.950.600.000
Hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết (***)	118.486.522.560	252.607.178.550
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.528.982.406)	(103.731.879)
	154.223.281.299	557.178.458.832

(*) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư và Thông báo số 62/TB-PVIF ngày 20/04/2009 v/v: "Thực hiện ủy thác đầu tư cổ phiếu PVI Invest", bên ủy thác là cán bộ, nhân viên của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (PVI) được phép trả chậm vốn ủy thác mua cổ phiếu của PVI Invest với mức tối đa là 90% giá trị vốn ủy thác. Bên ủy thác có thể được thanh toán vốn ủy thác trả chậm thành nhiều đợt. Bên nhận ủy thác được hưởng phí quản lý và lãi suất ủy thác có điều chỉnh. Trong trường hợp bên ủy thác không hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Bên nhận ủy thác, Bên nhận ủy thác được quyền khấu trừ các nghĩa vụ tài chính vào thu nhập ủy thác và/hoặc số cổ phần ủy thác thực tế của Bên ủy thác.

(**) Theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán theo giá định trước khoảng 30% đến 40% giá thị trường tại thời điểm mua, Bên mua là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm dầu khí cam kết sẽ bán lại chứng khoán cho bên bán với giá định trước sau thời gian tối đa là 12 tháng. Trường hợp giá thị trường của cổ phiếu suy giảm quá 150% giá mua, Bên mua có quyền yêu cầu bên bán mua lại hoặc bên bán phải nộp tiền hoặc cổ phiếu để bù đắp vào sự giảm giá. Trong trường hợp bên bán không nộp tiền hoặc cổ phiếu để bù đắp vào sự giảm giá, bên mua có quyền thanh lý số cổ phiếu để thu hồi vốn đầu tư.

(***) Là số dư các hợp đồng hợp tác đầu tư từ nguồn vốn ủy thác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI"). Theo hợp đồng ủy thác và thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Bảo hiểm Dầu khí ("PVI Finance") và PSI, PVI Finance nhận vốn ủy thác đầu tư của PSI để góp vốn hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết. PVI Finance hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍTầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đặt mua chứng khoán	106.966.666.667	50.618.612.137
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	224.300.851	-
Phải thu khác	5.514.357.473	1.162.947.668
	112.705.324.991	51.781.559.805

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện		Tổng cộng
	vận tải	Thiết bị quản lý	
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	3.614.915.540	855.537.063	4.470.452.603
Mua trong năm	-	175.158.274	175.158.274
Tại ngày 31/12/2010	3.614.915.540	1.030.695.337	4.645.610.877
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	817.203.616	444.645.031	1.261.848.647
Khấu hao trong năm	602.485.922	310.664.055	913.149.977
Tại ngày 31/12/2010	1.419.689.538	755.309.086	2.174.998.624
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 31/12/2010	2.195.226.002	275.386.251	2.470.612.253
Số dư tại ngày 31/12/2009	2.797.711.924	410.892.032	3.208.603.956

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số vốn đã góp tại ngày 31/12/2010	Số vốn đã góp tại ngày 31/12/2009	Tỷ lệ góp vốn của PVI Finance
	(VND)	(VND)	(%)
Công ty CP Quản lý Quỹ Hợp lực Việt Nam	-	2.500.000.000	10,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas đô thị	-	7.500.000.000	5,00%
Công ty CP Xuất nhập khẩu dầu khí và kinh doanh dầu quốc tế	-	26.000.000.000	16,25%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ-AEC	52.800.000.000	52.800.000.000	19,20%
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.394.278.067)	
	52.800.000.000	87.405.721.933	

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác tại ngày 31/12/2010 thể hiện khoản tiền Công ty đặt cọc để mua cổ phần và tiền đặt cọc thuê văn phòng. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu chưa thực hiện do thủ tục xin ý kiến các cổ đông sáng lập chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng khả năng thu hồi khoản đặt cọc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍTầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	(199.899.168)	2.149.769.195
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.764.067.797	12.336.272.048
Thuế Thu nhập cá nhân	390.134.402	260.301.250
Các loại thuế khác	12.578.236	13.650.000
	1.966.881.267	14.759.992.493

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	-	263.259.416
Nhận ủy thác quản lý vốn (*)	4.000.000.000	120.000.000.000
Nhận ủy thác quản lý vốn PSI (**)	118.995.962.551	227.607.175.200
Phải trả, phải nộp khác	10.441.286.401	90.899.372.728
	133.437.248.952	438.769.807.344

(*) Theo Hợp đồng ủy thác số 03/UTQLV/PVIF-PSCC ngày 11/11/2010 từ Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí, thời hạn ủy thác là 2 tháng (tính từ ngày 11/11/2010 đến ngày 11/01/2011, lãi suất ủy thác cố định là 12%/năm.

(**) Theo hợp đồng ủy thác và thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa PVI Finance và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI"), khoản ủy thác đầu tư này được sử dụng để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư mua bán chứng khoán niêm yết với các nhà đầu tư.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2009	200.282.300.000	906.034.653	35.763.512.182	236.951.846.835
Lợi nhuận trong năm	-	-	19.251.162.517	19.251.162.517
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	(480.000.000)	(480.000.000)
Chi cổ tức cho cổ đông (*)	-	-	(29.994.824.000)	(29.994.824.000)
Điều chỉnh khác (**)	340.350.000	-	-	340.350.000
Tại ngày 31/12/2010	200.622.650.000	906.034.653	24.539.850.699	226.068.535.352

(*) Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức của năm 2009 cho cổ đông là 24% theo Nghị Quyết số 05/NQ-PVIF-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2010 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010.

(**) Điều chỉnh tăng vốn góp do cổ đông đăng ký thoái vốn theo Nghị Quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8/10/2009 của Đại Hội đồng Cổ đông bất thường nhưng hết thời hạn không thực hiện quyền thoái vốn nữa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍTầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103020480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/03/2009, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2010, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

	Theo Giấy Chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp tại ngày	
			31/12/2010	31/12/2009
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	84.000.000.000	28	84.000.000.000	84.000.000.000
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	15.000.000.000	5	15.000.000.000	15.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	6.000.000.000	2	-	-
Các cổ đông khác	195.000.000.000	65	101.622.650.000	101.282.300.000
	300.000.000.000	100	200.622.650.000	200.282.300.000

Trong năm 2010, cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI). Sau đó, PVFC và PVFI đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu nói trên cho Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành. Tuy nhiên, Do Công ty đang hoàn thiện thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh nên thông tin về cổ đông sáng lập chưa được điều chỉnh trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	39.952.992.986	44.474.471.852
Doanh thu từ phí quản lý ủy thác đầu tư	161.047.227	76.921.348
	40.114.040.213	44.551.393.200

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.367.461.266	60.315.840.385
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	14.647.845.857
Thu nhập từ mua, bán chứng khoán	22.925.280.329	16.671.840.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.245.164.500	2.397.261.400
Thu nhập từ hợp đồng mua và cam kết bán lại	20.346.232.874	3.648.702.229
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.610.000.000	129.133.600
	51.494.138.969	97.810.624.096

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.499.720.811	2.434.805.817
Phí nhận vốn ủy thác đầu tư	17.279.250.831	32.116.174.952
Chi phí về mua bán chứng khoán	167.319.171	8.347.138.773
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.425.250.527	103.731.879
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.394.278.067)	(32.601.218.091)
Chi phí tài chính khác	-	2.791.325.985
	18.977.263.273	13.191.959.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍTầng 8, tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, Kim Mã, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	23.179.282.362	73.228.808.490
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	8.218.427.193	2.526.395.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	751.624.210	5.504.855.353
Thu nhập chịu thuế	15.712.479.379	76.207.268.843
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.928.119.845	19.051.817.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	5.715.545.163
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.928.119.845	13.336.272.048

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	2010	2009
	VND	VND
Các khoản đã thu		
Nhận vốn ủy thác từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	120.000.000.000	-
Các khoản đã trả		
Phí ủy thác quản lý vốn trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	26.587.247.501	30.791.097.223
Trả vốn ủy thác của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	120.000.000.000	510.000.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	255.528.000
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - lãi ủy thác đầu tư và các khoản khác	-	38.660.359.008

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

Trong kỳ từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 là 1.164.900.962 đồng
 Trong kỳ từ ngày 01/01/2009 đến ngày 08/10/2009 là 2.356.354.802 đồng
 Trong kỳ từ ngày 09/10/2009 đến ngày 31/12/2009 là 251.259.250 đồng
 Trong kỳ từ ngày 06/11/2007 đến ngày 31/12/2008 là 1.467.589.104 đồng.



Lê Tiến Hùng
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 5 năm 2011

Phạm Toàn Thắng
 Kế toán trưởng